



BẢNG TỔNG HỢP TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
Ý KIẾN CỦA CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ, ĐỊA PHƯƠNG ĐỐI VỚI DỰ THẢO TỜ TRÌNH, DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH
SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA CÁC NGHỊ ĐỊNH TRONG LĨNH VỰC HỘ TỊCH, QUỐC TỊCH, CHỨNG THỰC

Các cơ quan góp ý bao gồm:

- Địa phương: 23/26 STP được lấy ý kiến, bao gồm: Sở Tư pháp Hà Nội, Hải Phòng, Đà Nẵng, Cần Thơ, Bắc Giang, Hưng Yên, Yên Bái, Ninh Bình, Lào Cai, Sơn La, Nghệ An, Hà Tĩnh, Phú Yên, Kon Tum, Đắk Lắk, Cà Mau, Bình Dương, An Giang, Đồng Nai, Bà Rịa- Vũng Tàu, Bạc Liêu và Long An; trong đó có 05 STP nhất trí hoàn toàn với dự thảo Tờ trình, dự thảo Nghị định.
- Cơ quan thuộc bộ, ngành: 02/06 bao gồm: Cục Quản lý Xuất nhập cảnh, Bộ Công an và Cục Lãnh sự, Bộ Ngoại giao.
- Đơn vị thuộc Bộ: 05/07 bao gồm: Vụ Pháp luật Dân sự- Kinh tế, Cục Bảo trợ tư pháp, Cục Kiểm tra văn bản QPPL, Cục Công nghệ thông tin, Văn phòng Bộ.

STT	VĂN ĐỀ GÓP Ý	CƠ QUAN GÓP Ý	TIẾP THU	KHÔNG TIẾP THU	GIẢI TRÌNH
I	Đối với Tờ trình				
	Sự cần thiết ban hành	Văn phòng Bộ	X		
1.					Đã được thể hiện trong dự thảo Tờ trình.

			hợp, đầy đủ.		
II Đối với nội dung dự thảo Nghị định					
	Thẻ thực trình bày	Sở Tư pháp tỉnh Yên Bái, Sở Tư pháp tỉnh Sơn La, Cục Kiểm tra văn bản QPPL	Đề nghị nghiên cứu quy định tại khoản 3 Điều 61 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 154/2020/NĐ-CP), mẫu số 28 Phụ lục II Nghị định số 154/2020/NĐ-CP để trình bày dự thảo Nghị định (căn cứ ban hành văn bản được thể hiện bằng chữ thường, kiểu chữ nghiêng; sau mỗi căn cứ phải xuống dòng, cuối dòng có dấu chấm phẩy (;); dòng cuối kết thúc bằng dấu chấm (.)).	X	Đã tiếp thu
	Căn cứ ban hành	Sở Tư pháp TP Hà Nội, tỉnh Bình Dương, Văn phòng Bộ	Đề nghị bổ sung thêm căn cứ Bộ luật dân sự 2015, Luật Hộ tịch 2014, Luật Quốc tịch Việt Nam	X	Đã tiếp thu
	Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 23/2015/NĐ-CP	Sở Tư pháp TP Hà Nội	Đề nghị phân cấp cho công chức tư pháp – hộ tịch UBND cấp xã thẩm quyền chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký vì công chức tư pháp – hộ tịch cấp xã có đủ trình độ, khả năng để thực hiện và việc thí điểm uỷ quyền cho công chức tư pháp – hộ tịch phường ký chứng thực tại Hà Nội, Đà Nẵng, TP. Hồ Chí Minh đang được đón nhận tích cực. Đề nghị bổ sung thêm thẩm quyền chứng thực chứng thực quy định tại khoản 2 Điều 5, cụ thể như sau: “Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND cấp xã và người có thẩm quyền thực hiện ký chứng thực theo quy định của pháp luật và đóng dấu của UBND cấp xã”	X	- Phương án phân cấp đã được phê duyệt tại Quyết định số 1015/QĐ-TTg - Việc uỷ quyền cho công chức tư pháp – hộ tịch ký chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký hiện đang được thực hiện thí điểm theo các Nghị định số 32/2021/NĐ-CP, 33/2021/NĐ-CP, 34/2021/NĐ-CP. Để mở rộng việc uỷ quyền hoặc thực hiện phân cấp cho công chức tư pháp – hộ tịch ký chứng thực cần có sự đánh giá kết quả việc thực hiện thí điểm (qua việc thực hiện sơ kết, tổng kết kết quả triển khai thực hiện các Nghị định số 32/2021/NĐ-CP, 33/2021/NĐ-CP, 34/2021/NĐ-CP).

	Sở Tư pháp tỉnh Yên Bái, Sở Tư pháp tỉnh Hà Tĩnh, Cục Công nghệ thông tin	Đề nghị bỏ đoạn “Giấy chứng minh nhân dân” vì theo quy định tại khoản 2 Điều 46 Luật Căn cước năm 2023 quy định “ <i>Chúng minh nhân dân còn hạn sử dụng đến sau ngày 31/12/2024 thì có giá trị sử dụng đến hết ngày 31/12/2024</i> ”. Tương tự, đề nghị xem xét, kết cấu lại quy định tại khoản 3 “ <i>Giấy chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Thẻ căn cước</i> ”.				Dự thảo Nghị định quy định về xuất trình giấy tờ tùy thân còn giá trị sử dụng . Trước 31/12/2024, Giấy chứng minh nhân dân vẫn còn giá trị sử dụng và có thể dùng xuất trình để thực hiện các thủ tục chứng thực.	
	Sở Tư pháp tỉnh Sơn La, tỉnh Hưng Yên, tỉnh Hà Tĩnh, TP Hải Phòng, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Cục Công nghệ thông tin, Cục Kiểm tra văn bản QPPL	Tại khoản 2, đề nghị bỏ sung cụm từ “Thẻ căn cước”	X			Đã tiếp thu và chỉnh lý khoản 2, 3 Điều 1 dự thảo Nghị định	
	Sở Tư pháp tỉnh Long An	Khoản 2 đề nghị sửa đổi như sau: “1. Người yêu cầu chứng thực xuất trình bản chính hoặc bản sao có chứng thực Giấy chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/ Thẻ chiếu hoặc VNDD ”	X			Đã tiếp thu và chỉnh lý khoản 2, 3 Điều 1 dự thảo Nghị định và sử dụng thuật ngữ “Ứng dụng định danh điện tử quốc gia” theo quy định tại Luật Căn cước	
	Sở Tư pháp TP Cần Thơ	Khoản 2, đề nghị bỏ sung quy định “ <i>bản sao giấy tờ khác có liên quan đến hợp đồng, giao dịch mà pháp luật quy định phải có</i> ” nhằm đảm bảo quyền lợi của các bên liên quan trong trường hợp tài sản là đối tượng của hợp đồng, giao dịch là tài sản chung vợ chồng.	X			Nghị định số 23/2015/NĐ-CP chỉ quy định thành phần hồ sơ, thủ tục chung cho việc chứng thực hợp đồng, giao dịch (trong đó có chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản; văn bản từ chối nhận di sản; văn bản khai nhận di sản). Các vấn đề khác (nếu có) thuộc phạm vi điều chỉnh của pháp luật nội dung	
	Sở Tư pháp	Đề nghị bỏ sung thêm quy định đối với thủ tục			X		

		<p>tỉnh Hà Tĩnh</p> <p>nguyên loại giấy tờ như quy định tại Nghị định số 23/2015/NĐ-CP</p>			<p>sửa đổi cụm từ “Giấy chứng minh nhân dân”, các quy định về “hộ chiếu” vẫn giữ nguyên quy định hiện hành, đồng thời dự thảo Nghị định cũng bổ sung “giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu” để tạo điều kiện thuận lợi cho người dân.</p>
<p>Điều 2, Sửa đổi, bổ sung Nghị định số 123/2015/NĐ-CP</p>	<p>STP tỉnh Nghệ An, Lào Cai, Hà Nội</p>	<p>Dự thảo Nghị định quy định xác minh trong trường hợp không có thông tin về tình trạng hôn nhân trong CSDLQGVDCC đối với yêu cầu DKKS, ĐKKH sẽ dẫn đến việc hầu hết yêu cầu ĐKKH đều phải tiến hành xác minh, kéo dài thời gian giải quyết TTTC, trong khi đó, thời hạn giải quyết 02 thủ tục này chỉ thực hiện trong ngày làm việc, mặt khác, pháp luật hiện hành về ĐKKK, ĐKKH cũng không quy định về trường hợp cần xác minh và thời hạn giải quyết trong trường hợp xác minh này. Vì vậy, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu quy định rõ hơn nội dung này, đồng thời bổ sung thêm quy định thời hạn giải quyết trong trường hợp xác minh đối với thủ tục ĐKKK, ĐKKH</p>	X		<p>Đã tiếp thu</p>
	<p>Bộ Ngoại giao</p>	<p>Nhất trí với việc bỏ yêu cầu nộp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân trong thủ tục đăng ký kết hôn và giữ nguyên quy định về cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân để sử dụng vào mục đích khác hoặc sử dụng để ĐKKH tại Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài, cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài. Đề nghị sửa đổi các Điều 21, 22, 23 Nghị định 123/2015/NĐ-CP cho phù hợp</p>	X		<p>Đã rà soát, sửa đổi khoản 3 Điều 23 Nghị định số 123/2015/NĐ-CP</p>
	<p>STP tỉnh Đồng Nai, Kon Tum, Cục Bổ trợ tư</p>	<p>Khoản 2 Điều 2, đề nghị xem xét không bỏ quy định nộp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân trong thủ tục đăng ký kết hôn</p>		X	<p>Bộ Tư pháp đã ban hành Quyết định số 309/QĐ-BTP ngày 10/3/2023 ban hành Quy trình giải quyết thủ tục hành chính: Đăng ký kết hôn, xác nhận tình</p>

	STP Hà Nội, Kon Tum	Đề nghị giữ nguyên quy định "đăng ký kết hôn phải nộp bản chính Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân theo quy định tại mục 3 chương III của Nghị định này" để bảo đảm chứng minh điều kiện kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình	X	Việc bỏ quy định nộp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân trong thủ tục đăng ký kết hôn chỉ là thay đổi về phương thức chứng minh tình trạng hôn nhân, thay vì người dân phải nộp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân thì khoản 4 Điều 2 đã quy định trách nhiệm tra cứu thông tin về tình trạng hôn nhân của người yêu cầu đăng ký kết hôn trong Cơ sở dữ liệu hộ tịch, Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư. Trường hợp không có thông tin về tình trạng hôn nhân trong Cơ sở dữ liệu hộ tịch, Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, thì cơ quan đăng ký hộ tịch đề nghị Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người có yêu cầu thường trú thực hiện việc xác minh. Do đó, đề nghị giữ nguyên như dự thảo Nghị định.		
	STP An Giang	Đề nghị chỉnh lý khoản 4 Điều 2 thành: "..... <i>Trường hợp không có thông tin về tình trạng hôn nhân trong Cơ sở dữ liệu hộ tịch, Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, thì cơ quan đăng ký hộ tịch có văn bản đề nghị Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người yêu cầu thường trú thực hiện việc xác minh</i> ".	X	Để tiết kiệm thời gian, đồng thời, thuận tiện cho cơ quan đăng ký hộ tịch, việc yêu cầu xác minh trong trường hợp này được thao tác trên Phần mềm đăng ký quản lý hộ tịch điện tử dùng chung, mà không cần phải gửi văn bản xác minh. Do đó, đề nghị giữ nguyên như quy định tại dự thảo.		
	STP tỉnh Đồng Nai, Hà Nội, Kon Tum	Đề nghị xem xét tính khả thi của quy định tại khoản 4 Điều 2 "Đối với yêu cầu đăng ký khai sinh mà cha, mẹ trẻ đã đăng ký kết hôn, cơ quan đăng ký hộ tịch có trách nhiệm tra cứu thông tin về tình trạng hôn nhân..." vì hiện nay CSĐLQGVC chưa hoàn chỉnh, thông tin cá nhân được cập nhật trên CSĐLQGVC chưa	X	Trong CSĐLHTBT, CSĐLQGVC đã có trường thông tin về tình trạng hôn nhân của công dân, do đó, việc yêu cầu cha mẹ trẻ xuất trình GCNKH là không cần thiết. Trên cơ sở thông tin về Giấy chứng nhận ĐKKH của cha mẹ trẻ trong Tờ khai ĐKKH, cơ quan đăng ký		

							hộ có thẩm quyền đăng ký chấm dứt giám sát việc giám hộ là phù hợp. Đề nghị giữ nguyên như dự thảo Nghị định.
	Văn phòng Bộ	Đề nghị điều chỉnh “cơ quan hộ tịch có thẩm quyền” tại Điều 22, Điều 23 Nghị định số 123/2015/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tương ứng với cơ quan có thẩm quyền tại Điều 21 Nghị định số 123/2015/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung	X				Điều 21 dự thảo Nghị định đã quy định rõ thẩm quyền đăng ký giám sát việc giám hộ, chấm dứt giám sát việc giám hộ; do đó, tại Điều 22, Điều 23 không cần phải nhắc lại các cơ quan đã nêu tại Điều 21 thay cho cụm từ “Cơ quan đăng ký hộ tịch có thẩm quyền”.
	Văn phòng Bộ	Đề nghị quy định cụ thể hơn về “Văn bản cử người giám sát giám hộ theo quy định của Bộ luật dân sự” tại khoản 1 Điều 22 Nghị định số 123/2015/NĐ-CP được bổ sung vì theo quy định tại Điều 51 Bộ luật dân sự 2015, có hai trường hợp cử, chọn người giám sát giám hộ: Trường hợp do người thân thích của người được giám hộ thỏa thuận cử và trường hợp ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú của người giám hộ cử. Đồng thời, quy định cụ thể về “điều kiện theo quy định pháp luật” tại khoản 2 Điều 22 Nghị định số 123/2015/NĐ-CP được bổ sung vì Bộ luật Dân sự 2015 không quy định nội dung này.	X				+ Theo quy định tại Điều 51 Bộ luật dân sự, Văn bản cử người giám sát giám hộ có thể do người thân thích của người giám hộ cử lập hoặc có thể do UBND cấp xã nơi cư trú của người giám hộ lập. Văn bản cử người giám sát giám hộ không phải là một loại giấy tờ hộ tịch, do đó, dự thảo Nghị định không quy định cụ thể về văn bản này. + “Đủ điều kiện theo quy định pháp luật” là các điều kiện về giám hộ, giám sát giám hộ đã được quy định tại Bộ luật dân sự.
	Vụ PLDSKT	Đề nghị đơn vị chủ trì soạn thảo có thuyết minh và quy định cụ thể phạm vi đăng ký giám sát việc giám hộ, bởi Điều 51 Bộ luật Dân sự (BLDS) năm 2015 quy định: “ <u>Trường hợp giám sát việc giám hộ liên quan đến quản lý tài sản của người được giám hộ thì người giám sát phải đăng ký tại Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú của người được giám hộ</u> ”. Vậy đối với trường hợp giám sát việc	X				BLDS đã quy định rõ phạm vi đăng ký giám sát giám hộ chỉ áp dụng đối với trường hợp giám sát giám hộ liên quan đến quản lý tài sản của người được giám hộ, còn những trường hợp khác thì không thuộc phạm vi đăng ký.

					được ban hành kèm theo Thông tư số 04/2020/TT-BTP.
	STP Hải Phòng	Đề nghị gộp nội dung DKKS của Khoản 4 và Khoản 6; gộp phần nội dung ĐKKH của Khoản 4 vào Khoản 8.		X	Quy định như dự thảo đề bảo đảm mạch lạc, dễ hiểu. Do đó, đề nghị giữ nguyên như dự thảo.
	STP Hải Phòng	Ngoài giấy tờ quy định tại Khoản 1 Điều này, nếu bên kết hôn là công dân Việt Nam thì cơ quan đăng ký hộ tịch có trách nhiệm tra cứu thông tin về tình trạng hôn nhân của người yêu cầu đăng ký kết hôn trong Cơ sở dữ liệu hộ tịch, Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư. Trường hợp không có thông tin về tình trạng hôn nhân trong Cơ sở dữ liệu hộ tịch, Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, thì cơ quan đăng ký hộ tịch đề nghị Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người yêu cầu thường trú thực hiện việc xác minh. Trường hợp công dân Việt Nam đã ly hôn hoặc hủy việc kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền nước ngoài mà Cơ sở dữ liệu hộ tịch, Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư không thể hiện rõ thông tin về việc đã ghi chú ly hôn, hủy việc kết hôn thì cơ quan đăng ký hộ tịch hướng dẫn công dân thực hiện thủ tục ghi vào sổ hộ tịch việc ly hôn hoặc hủy việc kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền trước khi tiếp nhận hồ sơ đăng ký kết hôn; nêu bên kết hôn là công dân Việt Nam là công chức, viên chức hoặc đang phục vụ trong lực lượng vũ trang thì phải nộp văn bản của cơ quan, đơn vị quản lý xác nhận việc người đó kết hôn với người nước ngoài không trái với quy định của ngành đó.”	X		
	STP tỉnh Sơn	Đề nghị bổ sung 01 khoản quy định về thẩm		X	Dự thảo Nghị định được sửa đổi theo

			trích lục hộ tịch			
	Cục CNTT		Đề nghị cần nhắc sửa đổi khoản 2, khoản 3 Điều 8 như sau: “2. Bộ Tư pháp khai thác, sử dụng Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử để thực hiện các hoạt động quản lý nhà nước khác trong lĩnh vực hộ tịch theo quy định pháp luật.”	X		Đã tiếp thu
	Cục CNTT		“Hồ sơ đăng ký hộ tịch chỉ được tiếp nhận chính thức để xử lý <i>trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của các tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương tiếp nhận (hoặc qua Phần mềm dịch vụ công liên thông)</i> sau khi đã được hoàn thiện, bổ sung, bảo đảm đầy đủ, phù hợp quy định pháp luật.		X	Hồ sơ đăng ký hộ tịch có thể được tiếp nhận thông qua Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của các tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương, nhưng vẫn phải được xử lý trên Phần mềm đăng ký hộ tịch trực tuyến, do đó, đề nghị giữ nguyên như quy định tại dự thảo
	Bộ Ngoại giao		Luật Hộ tịch quy định Bộ Ngoại giao thực hiện cấp bản sao Trích lục hộ tịch (điểm d khoản 1 Điều 67), vì vậy, nếu bỏ thẩm quyền cấp bản sao Trích lục hộ tịch của Bộ Ngoại giao thì cần phải sửa đổi Luật hộ tịch	X		Tiếp thu ý kiến của Bộ Ngoại giao, đã chỉnh lý lại dự thảo Nghị định theo hướng vẫn giữ quy định cấp bản sao trích lục hộ tịch của Bộ Ngoại giao. Đồng thời, giữ nguyên thẩm quyền cấp bản sao trích lục hộ tịch đối với trường hợp công dân Việt Nam đã đăng ký hộ tịch tại Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài nay về nước cư trú.
	Cục Kiểm tra văn bản QPPL		Tại khoản 3, để đảm bảo tính minh bạch trong quy định của văn bản QPPL, đề nghị cần nhắc quy định “ <i>trường hợp người con chưa thành niên xin nhập, xin trở lại quốc tịch Việt Nam cùng cha mẹ</i> ” (tại nội dung sửa đổi khoản 4 Điều 18 Nghị định số 16/2020/NĐ-CP) thành một khoản riêng, với nội dung như sau: “5. Trường hợp người con chưa thành niên <u>xin nhập, xin trở lại quốc tịch Việt Nam cùng cha mẹ</u>	X		Đã tiếp thu
Điều 4. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 16/2020/NĐ-CP						

	<p>một loại thủ tục (với thành phần hồ sơ giống nhau), chỉ giấy tờ nộp tại CQDDVN ở nước ngoài được miễn hợp pháp hóa, còn giấy tờ nộp ở cơ quan trong nước thì không thuộc diện được miễn hợp pháp hóa.</p> <p>+ Về mặt thực tiễn, các giấy tờ trong hồ sơ quốc tịch thường đa dạng, phức tạp và có thể bị làm giả. Việc hợp pháp hóa góp phần bảo đảm tính xác thực của giấy tờ, tài liệu, đặc biệt là các giấy tờ có ý nghĩa quan trọng như giấy hứa cho nhập quốc tịch nước sở tại.</p> <p>- Ngoài ra, trong quá trình triển khai thi hành Nghị định số 16/2020/NĐ-CP, BNG nhận thấy còn một số vướng mắc phát sinh cần được nghiên cứu, điều chỉnh, đặc biệt là các nội dung về nhập quốc tịch, trở lại quốc tịch của người gốc Việt và việc xác định quốc tịch của trẻ em có một bên cha, mẹ là công dân Việt Nam. Về việc này, đề nghị BTP tham khảo nội dung của Công văn số 4089/BNG-LS ngày 26/9/2022 của BNG về báo cáo tình hình thực hiện Luật Quốc tịch Việt Nam và các văn bản quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành và Phụ lục kèm theo công văn này để cân nhắc bổ sung các nội dung sửa đổi NĐ số 16/2020/NĐ-CP.</p> <p>- Về thủ tục cấp giấy xác nhận là người gốc Việt Nam:</p> <p>Liên quan đến thủ tục này, đề nghị bổ sung điều khoản sửa đổi nội dung tại Điều 32 NĐ số 16/2020/NĐ-CP về việc không tiếp tục giao UBND về người Việt Nam ở nước ngoài thực hiện thủ tục cấp Giấy xác nhận là người gốc Việt Nam nữa, do thực tế cho thấy, số lượng hồ sơ</p>		
	<p>X</p>		<p>Nội dung này không thuộc phạm vi nhiệm vụ được giao của Bộ Tư pháp được nêu tại NQ số 58 và không thuộc phạm vi nghiên cứu, sửa đổi lần này.</p>
	<p>X</p>		<p>Tiếp thu, trong dự thảo Nghị định bỏ quy định thẩm quyền của UBND về người Việt Nam tại nước ngoài cấp Giấy xác nhận là người gốc Việt Nam</p>

	Sở Tư pháp tỉnh Hưng Yên	Đề nghị giữ nguyên thẩm quyền tại Điều 30,32 Nghị định số 16/2020/NĐ-CP vì: - Quy định như dự thảo sẽ tăng thẩm quyền cho Sở Tư pháp trong khi biên chế ít, gây khó khăn cho việc thực hiện nhiệm vụ; - Để người có yêu cầu chủ động hơn trong việc giải quyết công việc. Các yêu cầu về quốc tịch phát sinh chủ yếu đối với công dân Việt Nam, người gốc Việt Nam đang định cư ở nước ngoài, những đối tượng này về Việt Nam thực hiện một số giao dịch dân sự liên quan đến các giấy xác nhận này, các giấy tờ được quy định trong thành phần hồ sơ sẽ không có ở Việt Nam nên việc quy định nộp tại Sở Tư pháp sẽ gây khó khăn cho người yêu cầu.		X		Điểm a khoản 1 Điều 31 là những giấy tờ (có dán ảnh) dùng để chứng minh nhân thân của người có yêu cầu có quốc tịch Việt Nam. Tuy nhiên, hiện tại, khi cơ quan tiếp nhận (cơ quan Tư pháp, Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài) thực hiện việc khai thác trên CSDLQGVD, mới chỉ khai thác được thông tin cá nhân, không có ảnh đính kèm nên không có đủ cơ sở chứng minh tính chính xác của người có yêu cầu giải quyết các việc về quốc tịch.	
II	Các vấn đề khác						
	Cục Kiểm tra văn bản QPPL	- Để đảm bảo Nghị định sau khi ban hành và triển khai thực hiện đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ, khả thi, đề nghị rà soát nội dung dự thảo Nghị định với các văn bản sau: Nghị định số	X				

Ký chấm dứt giám sát giám hộ	Số Tư pháp Hà Nội	giám hộ, Đăng ký chấm dứt giám sát giám hộ			
Văn bản hướng dẫn số hoá, tạo lập CSDLHTĐT		Đề nghị ban hành kèm theo Nghị định hướng dẫn số hoá, tạo lập CSDLHTĐT để cụ thể hoá, quy định chi tiết Nghị định số 87/2020/NĐ-CP, hiện nay đang được ban hành kèm theo Công văn số 1437/BTP-CNTT ngày 25/4/2019	X		Nội dung này không thuộc phạm vi nhiệm vụ được giao của Bộ Tư pháp được nêu tại NQ số 58 và không thuộc phạm vi nghiên cứu, sửa đổi lần này.
Bổ sung nội dung sửa đổi Nghị định số 16/2020/NĐ-CP		Đề nghị sửa đổi, bổ sung khoản 8 Điều 34 Nghị định số 16/2020/NĐ-CP theo hướng quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ Tư pháp trong việc xây dựng, quản lý, vận hành, nâng cấp, kết nối CSDL quốc tịch, hộ tịch, dân cư, Hệ thống đăng ký, quản lý quốc tịch, tiếp nhận, giải quyết, trả kết quả hồ sơ quốc tịch, Phần mềm số hoá, tạo lập CSDL quốc tịch, Hướng dẫn về số hoá, tạo lập cơ sở dữ liệu quốc tịch, góp phần tạo cơ sở pháp lý, công cụ để Sở Tư pháp, Cơ quan đại diện ngoại giao Việt Nam ở nước ngoài giải quyết TTHC về quốc tịch, lưu trữ hồ sơ quốc tịch đã số hoá lâu dài, thuận tiện tra cứu	X		Nội dung này không thuộc phạm vi nhiệm vụ được giao của Bộ Tư pháp được nêu tại NQ số 58 và không thuộc phạm vi nghiên cứu, sửa đổi lần này.
		<p>Đề nghị quy định rõ thẩm quyền thu hồi, hủy bỏ giấy tờ quốc tịch được cấp không đúng quy định:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chủ tịch nước có thẩm quyền thu hồi, hủy bỏ Quyết định cho nhập, cho trở lại, cho thời quốc tịch Việt Nam; - Chủ tịch UBND cấp tỉnh có thẩm quyền thu hồi, hủy bỏ Giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam, Giấy xác nhận là người gốc Việt Nam do Sở Tư pháp cấp; - Bộ Ngoại giao có thẩm quyền thu hồi, hủy bỏ Giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam, Giấy xác 	X		

					định tại Điều này là được coi là “trường hợp đặc biệt” để trình Chủ tịch nước xem xét quyết định cho trở lại quốc tịch Việt Nam và giữ quốc tịch nước ngoài.
				X	Quy định tại Điều 9, Điều 14 là cần thiết, nhằm tạo cơ sở pháp lý rõ ràng trong giải quyết hồ sơ quốc tịch, bảo đảm nguyên tắc một quốc tịch Việt Nam theo quy định của Luật Quốc tịch
		Đề nghị miễn cho trẻ em dưới 13 tuổi không phải nộp Phiếu Lý lịch tư pháp và Xác nhận không nợ thuế khi thực hiện TTHC về quốc tịch		X	Nội dung này không thuộc phạm vi nhiệm vụ được giao của Bộ Tư pháp được nêu tại NQ số 58 và không thuộc phạm vi nghiên cứu, sửa đổi lần này.
	Sở Tư pháp TP Hải Phòng	Tờ trình dự thảo Nghị định nêu nội dung sửa đổi theo yêu cầu của Nghị quyết 58/NQ-CP có vấn đề bài bỏ thủ tục cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân, tuy nhiên, trong dự thảo Nghị định không có nội dung sửa đổi mục 3 chương III Nghị định số 123/2015/NĐ-CP.	X		Đã sửa đổi Điều 22, Điều 23 Nghị định số 123/2015/NĐ-CP
Lộ trình thực hiện bỏ Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân/Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn trong thủ tục Đăng ký kết hôn, Đăng ký khai sinh		Đồng thời, đề nghị nghiên cứu lộ trình thực hiện việc: (1) bỏ thủ tục cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân; (2) bỏ quy định về xuất trình và nộp Giấy chứng nhận kết hôn/Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân trong thủ tục đăng ký khai sinh, đăng ký kết hôn đảm bảo phù hợp với tiến độ hoàn thiện việc xây dựng, cập nhật và đồng bộ thông tin về tình trạng hôn nhân giữa CSDLHTBT và CSDLQGVC đảm bảo chính xác để cơ quan đăng ký hộ tịch có cơ sở thực hiện.			

					riêng lẻ.
	Khả năng đáp ứng của CSDLQGVDCC đối với yêu cầu tra cứu thông tin về tình trạng hôn nhân của các tổ chức hành nghề công chứng	Cục Bổ trợ tư pháp	<p>vướng mắc, có sự không thống nhất về áp dụng pháp luật giữa cơ quan tư pháp với văn phòng đăng ký đất đai</p> <p>- Trên thực tế, không chi thủ tục đăng ký kết hôn mới cần đến Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân. Trong lĩnh vực công chứng, giấy xác nhận tình trạng hôn nhân cũng như thông tin chính xác về tình trạng hôn nhân là cần thiết để xác định tài sản chung – riêng của vợ chồng khi thực hiện công chứng các giao dịch, hợp đồng liên quan đến tài sản. Vì vậy, đề nghị làm rõ khả năng đáp ứng của CSDLQGVDCC đối với yêu cầu tra cứu thông tin về tình trạng hôn nhân của các tổ chức hành nghề công chứng trước khi đề xuất cắt giảm thủ tục cấp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân.</p> <p>- Đề nghị rà soát, lấy ý kiến của Hiệp hội công chứng viên Việt Nam, Liên đoàn luật sư Việt Nam để đảm bảo tính khả thi khi triển khai Nghị định.</p>	X	Vấn giữ quy định về cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân để sử dụng vào mục đích khác.

